UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08/2016/QĐ-UBND	*Đồng Tháp, ngày 29 tháng 01 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc tỉnh Đồng Tháp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Thông tư số 159/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Thực hiện Công văn số 10/HĐND-KTNS ngày 19 tháng 01 năm 2016 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 07/2014/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty nhà nước thuộc tỉnh Đồng Tháp.

Giao Sở Tài chính tổ chức triển khai và theo dõi việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc tỉnh Đồng Tháp; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh;
- TT/TU, TT/HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT/UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP/UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, HS.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Digitally signed by Ủy ban nhân dân Tỉnh
DN: c=VN, o=UBND tỉnh Đồng Tháp, l=Đồng Tháp, cn=Ủy ban nhân dân Tỉnh
Date: 2016.01.29 16:45:51 +07'00'

Nguyễn Văn Dương

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Tiêu chuẩn và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc tỉnh Đồng Tháp

(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2016 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác; khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác cho các chức danh có tiêu chuẩn trong cơ quan nhà nước; chế độ sử dụng dịch vụ cung ứng xe của thị trường để phục vụ công tác trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị), Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi chung là Ban Quản lý dự án) và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi chung là công ty nhà nước) thuộc tỉnh Đồng Tháp.

2. Xe ô tô thuộc phạm vi áp dụng trong Quy định này bao gồm xe ô tô phục vụ công tác (từ 04 đến 16 chỗ ngồi) và xe ô tô chuyên dùng được hình thành từ nguồn vốn ngân sách, có nguồn gốc ngân sách và nguồn vốn của công ty nhà nước (kể cả nguồn vốn vay, viện trợ, quà biếu của các tổ chức trong và ngoài nước hoặc được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định của pháp luật).

3. Các quy định khác về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án và công ty nhà nước không nêu trong quy định này, thì thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 2. Nguyên tắc trang bị, bố trí, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án và công ty nhà nước căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức tại Quy định này để bố trí xe ô tô phục vụ công tác theo các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô phục vụ công tác theo đúng quy định.

2. Trường hợp một cán bộ giữ nhiều chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô thì được áp dụng tiêu chuẩn sử dụng xe theo chức danh cao nhất. Khi người tiền nhiệm nghỉ hưu hoặc chuyển công tác khác mà xe ô tô đã trang bị chưa đủ

điều kiện thay thế, thì người mới được bổ nhiệm tiếp tục sử dụng xe ô tô đã trang bị cho người tiền nhiệm, không trang bị xe mới.

3. Việc thay thế xe ô tô phục vụ công tác cho các chức danh quy định tại Điều 3, Điều 4, xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại Điều 5 và xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 7 Quy định này được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Xe ô tô đã quá thời gian sử dụng (trên 15 năm) theo quy định tại Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước hoặc quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi (nếu có) mà không thể tiếp tục sử dụng hoặc bị hư hỏng nặng mà không đảm bảo an toàn khi vận hành theo kiểm định của cơ quan có chức năng.

b) Xe ô tô trang bị cho các chức danh quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 Quy định này đã sử dụng ít nhất 250.000 km mà không thể tiếp tục sử dụng hoặc hư hỏng nặng mà không đảm bảo an toàn khi vận hành theo kiểm định của cơ quan có chức năng.

c) Xe ô tô đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án khác quản lý, sử dụng theo đúng tiêu chuẩn, định mức.

4.Việc thay thế xe ô tô phục vụ công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án, công ty nhà nước thực hiện theo quy định tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi là Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg) và Thông tư số 159/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi là Thông tư số 159/2015/TT-BTC).

5. Xe ô tô được thanh lý phải thực hiện bán đấu giá, số tiền bán xe ô tô sau khi trừ đi các chi phí hợp lý liên quan phải được xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Chức danh được sử dụng xe ô tô thường xuyên trong thời gian công tác

1. Bí thư Tỉnh ủy.

2. Nguồn kinh phí mua xe được bố trí trong dự toán ngân sách được giao, giá mua xe thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Các chức danh được sử dụng xe ô tô để đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc và đi công tác

Các Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách tỉnh. Nguồn kinh phí mua xe được bố trí trong dự toán ngân sách được giao. Đối với xe ô tô của các chức danh trên giao cho đơn vị trực tiếp quản lý để phục vụ theo yêu cầu công tác.

1. Trường hợp các chức danh quy định tại Điều này tự nguyện đăng ký thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc hàng ngày; mức khoán được xác định như sau:

Mức khoán đưa đón (MKđđ) *(đồng/tháng)*	=	**Đơn giá khoán** *(đồng/km)*	x	**Số km khoán** *(đồng/km)*	x **02 lượt** *(lượt)*	x	**Số ngày thực tế đưa đón từ nơi ở đến nơi** *(ngày)*

Trong đó:

- Số km khoán là khoảng cách thực tế từ nhà ở đến nơi làm việc của từng chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe đưa đón, do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án xác định.

- 02 lượt: bao gồm 01 lượt đón đi và 01 lượt đón về trong một ngày làm việc.

- Số ngày thực tế đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc không bao gồm số ngày đi công tác.

2. Trường hợp các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô khi đi công tác tự nguyện đăng ký thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô khi đi công tác, mức khoán kinh phí được xác định như sau:

Mức khoán đi công tác(MKct) *(đồng/tháng)*	=	**Đơn giá khoán** *(đồng/km)*	x	**Khoảng cách thực tế đi công tác hàng tháng của từng chức danh** *(km)*

Trong đó: khoảng cách thực tế đi công tác là số km thực tế đi công tác hàng tháng của từng chức danh được xác định trên cơ sở lịch trình công tác thực tế của chức danh được Thủ trưởng cơ quan, đơn vị xác nhận.

3. Trường hợp chức danh nhận khoán toàn bộ đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc và đi công tác, thì mức khoán được tổng hợp từ hai mức khoán trên.

Mức khoán toàn bộ (MK tb) *(đồng/tháng)*	=	**MKđđ** *(đồng/tháng)*	+	**MKct.** *(đồng/tháng)*

4. Giá mua xe ô tô cho các chức danh quy định tại Điều này thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 5. Trang bị, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án

1. Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,7 trở lên (không kể kiêm nhiệm) được trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung để đưa đón cán bộ đi công tác (không đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc) từ nguồn xe điều chuyển hoặc mua mới, cụ thể:

a) Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh (như: Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các sở, ban, ngành và tổ chức tương đương); Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy; Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố được trang bị tối đa 02 (hai) xe ô tô/01 đơn vị.

b) Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành có chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,7 trở lên (không kể kiêm nhiệm) được trang bị tối đa 01 (một) xe ô tô/01 đơn vị.

2. Việc trang bị, sử dụng xe ô tô đối với Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg và Điều 4 Thông tư số 159/2015/TT-BTC.

3. Khoảng cách từ trụ sở cơ quan để bố trí xe ô tô khi đi công tác cho các chức danh có đủ tiêu chuẩn là từ 10 km trở lên.

4. Đối với các chức danh trên tự nguyện đăng ký khoán kinh phí sử dụng xe ô tô khi đi công tác, thì mức khoán thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Quy định này.

5. Giá mua xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại Điều này thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 6. Trang bị xe ô tô tại công ty nhà nước, bố trí xe ô tô phục vụ công tác tại công ty nhà nước

1. Việc trang bị xe ô tô tại công ty nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg và Điều 8 Thông tư số 159/2015/TT-BTC.

2. Việc bố trí xe ô tô phục vụ công tác tại công ty nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 15 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg.

Điều 7. Trang bị xe ô tô chuyên dùng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án

1. Xe ô tô chuyên dùng là xe gắn kèm trang thiết bị chuyên dùng hoặc có cấu tạo đặc biệt theo yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ hoặc sử dụng cho nhiệm vụ đặc thù, đột xuất, cấp bách phục vụ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị - xã hội, bao gồm:

a) Xe gắn kèm trang thiết bị chuyên dùng hoặc có cấu tạo đặc biệt theo yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ như: xe cứu thương, xe cứu hỏa, xe chở tiền, xe quét đường, xe phun nước, xe chở rác, xe ép rác, xe sửa chữa lưu động, xe trang bị phòng thí nghiệm, xe thu phát điện báo, xe sửa chữa điện, xe kéo, xe cần cẩu, xe tập lái, xe phục vụ thông tin liên lạc, xe phục vụ ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân, xe thanh sát hạt nhân…

b) Xe sử dụng cho nhiệm vụ đặc thù của ngành, lĩnh vực như: xe thanh tra giao thông, xe phát thanh truyền hình lưu động, xe hộ đê, xe tập lái, xe chở diễn

viên đi biểu diễn, xe chở vận động viên đi luyện tập và thi đấu, xe kiểm lâm... có dấu hiệu riêng được in rõ trên thành xe, ngoài nhiệm vụ quy định không được sử dụng cho việc khác.

c) Xe sử dụng cho các nhiệm chính trị - xã hội như: xe phục vụ các đoàn công tác liên ngành mà thường xuyên phải đi để kiểm tra, giám sát, chỉ đạo, tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước… trên phạm vi rộng.

2. Số lượng xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

3. Hàng năm, các đơn vị được giao nhiệm vụ cần phải bố trí xe chuyên dùng (không vượt quá số lượng quy định tại Khoản 2 Điều này) đề xuất trang bị (số lượng, chủng loại, mức giá), sau đó Sở quản lý ngành phối hợp với Sở Tài chính rà soát lại nhu cầu và khả năng ngân sách để trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Trường hợp cần thiết phải trang bị thêm xe để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ vượt số xe quy định tại Khoản 2 Điều này thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trang bị bổ sung đảm bảo đáp ứng nhu cầu thực tế phục vụ chuyên môn sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Trên cơ sở số lượng xe chuyên dùng được trang bị, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án xây dựng Quy chế quản lý, sử dụng xe chuyên dùng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả. Nội dung Quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng bao gồm:

a) Các trường hợp được sử dụng xe ô tô chuyên dùng, thẩm quyền quyết định sử dụng và quy trình sử dụng xe ô tô chuyên dùng.

b) Đơn giá sử dụng (đồng/km) của từng loại xe; định mức sử dụng nhiên liệu.

c) Nội quy quản lý, chế độ bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa; các biện pháp quản lý, sử dụng xe an toàn.

d) Trách nhiệm các bộ phận, cá nhân trong quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng.

Điều 8. Quản lý, sử dụng xe ô tô tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án

Giao cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án trực tiếp quản lý để bố trí xe ô tô phục vụ công tác theo quy định tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg và Thông tư số 159/2015/TT-BTC. Việc quản, sử dụng số xe ô tô của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 159/2015/TT-BTC.

Kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác cho các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe được bố trí trong dự toán ngân sách được giao và xác định cụ thể như sau:

1. Đối với việc sử dụng xe hiện có.

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thực hiện mở sổ sách kế toán theo dõi chi phí sử dụng thực tế (không bao gồm chi phí khấu hao) đối với từng đầu xe bao gồm: tiền lương lái xe, chi phí nhiên liệu, chi phí sửa chữa xe (bao gồm cả chi phí sửa chữa lớn được phân bổ hợp lý) và các chi phí liên quan đến vận hành, sử dụng xe. Chi phí thực tế sử dụng xe được công khai hàng năm cùng với việc công khai sử dụng kinh phí chung của cơ quan.

2. Đối với việc thuê xe ô tô phục vụ công tác.

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án chọn phương thức thuê xe của các tổ chức cung ứng dịch vụ phương tiện đi lại trên thị trường để phục vụ công tác cho các chức danh có tiêu chuẩn.

Việc thuê dịch vụ ô tô phục vụ công tác thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 159/2015/TT-BTC.

3. Đối với khoán kinh phí sử dụng xe ô tô.

a) Việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 13 Thông tư số 159/2015/TT-BTC và Điều 4 Quy định này.

b) Đơn giá khoán kinh phí sử dụng xe ô tô do Sở Tài chính phối hợp với các ngành liên quan xác định và thông báo làm cơ sở cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thực hiện. Khi đơn giá bình quân của phương tiện vận tải công cộng trên thị trường tăng, giảm trên 20% so với đơn giá khoán đã thông báo, Sở Tài chính thực hiện điều chỉnh cho phù hợp.

4. Trường hợp do yêu cầu công tác, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án xem xét, cho phép bố trí xe ô tô của đơn vị cho các trường hợp không đủ tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô khi đi công tác.

Điều 9. Xây dựng Quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án căn cứ vào tiêu chuẩn, chức danh được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác, xây dựng định mức tiêu hao nhiên liệu đối với từng loại xe; chi phí sử dụng thực tế từng loại xe và chi phí liên quan đến vận hành, sử dụng xe ô tô theo quy định. Trên cơ sở định mức tiêu hao nhiên liệu, chi phí sử dụng thực tế của xe ô tô, giá cho thuê xe ô tô trên thị trường và đơn giá khoán xe ô tô do Sở Tài chính thông báo, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án xây dựng Quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác và phải thực hiện công khai cùng với việc công khai sử dụng kinh phí hàng năm của đơn vị.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án, công ty nhà nước có trách nhiệm thực việc quản lý, sử dụng xe ô tô theo đúng quy định tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg, Thông tư số 159/2015/TT-BTC và Quy định này.

Điều 11. Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các đơn

vị kịp thời phản ánh về Uỷ ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) để xem xét, sửa đổi, bổ sung Quy định cho phù hợp./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Digitally signed by Ủy ban nhân dân Tỉnh
DN: c=VN, o=UBND tỉnh Đồng Tháp, l=Đồng Tháp, cn=Ủy ban nhân dân Tỉnh
Date: 2016.01.29 16:46:22 +07'00'

Nguyễn Văn Dương

PHỤ LỤC XE CHUYÊN DÙNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 08/2016/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	CHỦNG LOẠI	SỐ LƯỢNG
I	**CẤP TỈNH**		
1	**Văn phòng Tỉnh ủy**	Xe phục vụ giám sát nhiệm vụ chính trị, xã hội; phòng chống thiên tai, lụt bão	01 xe
2	**Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh**	Xe phục vụ các đoàn giám sát, tiếp xúc cử tri	01 xe
3	**Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh**	Xe phục vụ giám sát nhiệm vụ chính trị, xã hội; phòng chống thiên tai, lụt bão	01 xe
4	**Trung tâm Dịch vụ Tài chính trực thuộc Sở Tài chính**	Xe phục vụ công tác chuyên ngành	01 xe
5	**Sở Tài nguyên và Môi trường**		
5.1	Chi Cục Bảo vệ Môi trường	Xe phục vụ công tác, kiểm tra, kiểm soát môi trường	01 xe
5.2	Văn phòng Đăng ký Đất đai	Xe phục vụ công tác đăng ký đất đai một cấp	01 xe
5.3	Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường	Xe chở thiết bị phục vụ công tác kỹ thuật tài nguyên và môi trường	01 xe
5.4	Trung tâm Quan trắc Môi trường	Xe chở thiết bị phục vụ lấy mẫu, kiểm tra quan trắc phân tích môi trường	01 xe
6	**Trung tâm Kiểm định Chất lượng Công trình Xây dựng trực thuộc Sở Xây dựng**	Xe chở máy móc, thiết bị kiểm định	01 xe
7	**Ngành Y tế**		
7.1	Bệnh viện loại 1	Xe cứu thương, xe chở rác	08 xe
7.2	Bệnh viện loại 2	Xe cứu thương	06 xe
7.3	Bệnh viện loại 3	Xe cứu thương	03 xe
7.4	Bệnh viện Phổi	Xe cứu thương	02 xe
7.5	Bệnh viện Tâm thần	Xe cứu thương	02 xe
7.6	Bệnh viện Quân Dân y	Xe cứu thương	02 xe
7.7	Trung tâm Y tế dự phòng	Xe chống dịch; xe tuyên truyền	02 xe
7.8	Trung tâm Chăm sóc Sức khỏe	Xe tuyên truyền	01 xe

	sinh sản		
7.9	Trung tâm Truyền thông Giáo dục Sức khỏe	Xe tuyên truyền	01 xe
7.10	Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố	Xe cứu thương, xe chống dịch	01 xe/đơn vị
7.11	Ban Bảo vệ và Chăm sóc sức khỏe Tỉnh ủy	Xe cứu thương	01 xe
7.12	Trung tâm Pháp y	Xe giám định pháp y	01 xe
7.13	Bệnh viện Điều dưỡng Phục hồi chức năng	Xe cứu thương	02 xe
7.14	Bệnh viện Y học Cổ truyền	Xe cứu thương	02 xe
8	**Sở Khoa học và Công nghệ**		
8.1	Trung tâm Kỹ thuật Thí nghiệm và Ứng dụng Khoa học Công nghệ	Xe lấy mẫu kiểm tra	01 xe
8.2	Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Chất lượng thuộc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Xe kiểm định đo lường chất lượng	01 xe
9	**Sở Giao thông Vận tải**		
9.1	Thanh tra Giao thông	Xe phục vụ tuần tra giao thông, kiểm tra tải trọng xe	Theo nhu cầu thực tế
9.2	Trường Trung cấp Nghề giao thông vận tải	Xe tập lái	Theo nhu cầu thực tế
9.3	Trung tâm Kiểm định Bảo dưỡng Công trình Giao thông	Xe phục vụ quản lý, sửa chữa, kiểm định các công trình giao thông	Theo nhu cầu thực tế
10	**Ban An toàn Giao thông tỉnh**	Xe phục vụ công tác an toàn giao thông	Theo nhu cầu thực tế
11	**Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**		
11.1	Chi cục Thủy lợi	Xe phòng chống lụt bão	01 xe
11.2	Chi cục Kiểm lâm	Xe phục vụ quản lý, bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng	01 xe
11.3	Chi cục Thú Y	Xe chở vắc xin, thiết bị, dụng cụ chống dịch	01 xe
11.4	Chi cục Bảo vệ Thực vật	Xe kiểm tra tình hình sâu bệnh, kiểm tra lấy mẫu xét nghiệm chất lượng thuốc bảo vệ thực vật	01 xe
11.5	Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư	Xe tập huấn công tác khuyến nông, khuyến ngư tại các huyện	01 xe
11.6	Trung tâm Nước sạch Vệ sinh Môi trường nông thôn	Xe chở thiết bị phục vụ công các cung cấp nước sạch nông thôn tại các huyện	01 xe
11.7	Trung tâm Ứng dụng Công nghệ cao	Xe chở thiết bị, dụng cụ	01 xe

12	**Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**		
12.1	Trung tâm Văn hóa Điện ảnh	Xe chở thiết bị, diễn viên đi biểu diễn; xe truyền thông	02 xe
12.2	Đoàn Văn công tỉnh	Xe chở thiết bị, diễn viên đi biểu diễn	02 xe
12.3	Trường Năng khiếu Thể dục Thể thao	Xe chở học viên luyện tập	02 xe
12.4	Trung tâm Thể dục Thể thao	Xe chở vận động viên luyện tập, thi đấu	01 xe
13	**Sở Công Thương**		
13.1	Chi cục Quản lý Thị trường	Xe phục vụ Ban Chỉ đạo và công tác quản lý thị trường; xe vận chuyển hàng hóa vi phạm hành chính	02 xe
13.2	Trung tâm Khuyến công	Xe phục vụ công tác khuyến công	01 xe
14	**Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**		
14.1	Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội	Xe chở đối tượng đi chuyển trại	01 xe
14.2	Trung tâm Bảo trợ Xã hội	Xe chở đối tượng đi khám bệnh, vận chuyển thực phẩm	01 xe
14.3	Trung tâm Giới thiệu việc làm	Xe chở giảng viên	01 xe
15	**Vườn Quốc gia Tràm Chim**	Xe phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy rừng	02 xe
16	**Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Tháp**	Xe truyền hình lưu động; xe chở đoàn phóng viên tác nghiệp	Theo nhu cầu tực tế
17	**Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng**	Xe phục vụ công tác kiểm tra công trình xây dựng	01 xe
18	**Ban Quản lý Khu di tích Gò Tháp**	Xe phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy	01 xe
19	**Trường Cao đẳng nghề**	Xe chở học viên đi thực tập, đưa rước giảng viên	01 xe
20	**Nhà Thiếu nhi tỉnh**	Xe phục vụ công tác thiếu nhi	01 xe
21	**Trung tâm Phát triển Quỹ nhà đất tỉnh**	Xe chở thiết bị, phục vụ đo đạc thực hiện các dự án	01 xe
22	**Trung tâm Đầu tư và Khai thác hạ tầng Khu kinh tế trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh**	Xe phục vụ công tác xúc tiến đầu tư	01 xe
II	**CẤP HUYỆN**		
1	**Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện**	Xe phục vụ giám sát nhiệm vụ chính trị, xã hội; phòng chống lụt bão	01 xe
2	**Các đơn vị sự nghiệp cấp huyện**		Theo nhu cầu thực tế

Căn cứ nhiệm vụ được giao và nhu cầu thực tế, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có văn bản gửi Sở Tài chính để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đối với từng trường hợp cụ thể.